TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **14** /2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
Về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến mốc g*ới"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Minh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Phạm Huy Điệu và ông Bùi Đức Thụy.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Mạnh – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến mốc giới" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2024. Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01 ngày 22/9/2024 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Ông Hà Năng C, sinh năm 1972 (Có mặt)

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

*** Bị đơn***:* Anh Nguyễn Phúc H, sinh năm 1979 và chị Hà Thị Thu G, sinh năm 1982;

*Đều có địa chỉ: Đường sân bóng Trường Đại học G3, phường T,thành phố T- thành Phố Hồ Chí Minh.

***Người được bị đơn ủy quyền**: Anh Hà Bách V, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn L- xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (Có mặt)

* **Người có quyền lợi liên quan**: Chị: Bùi Thị T, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn L- xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

***Người được người có quyền lợi liên quan ủy quyền**: ông Hà Năng C và anh Hà Xuân T1. Trú tại: Thôn L- xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hà Năng C trình bày quan điểm khởi kiện như sau: Ngày 30/12/2010, ông được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 499141 đối với diện tích 146 m^2 tại thửa đất số 288^a tờ bản đồ số 10, địa chỉ Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương), S vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 00047. Do nhu cầu sủ dụng nên ngày 23/08/2021,ông có mời cán bộ địa chính xã T, trưởng thôn L, cùng Công ty Cổ phần Đ tiến hành đo đạc lại diện tích thửa đất. Sau khi đo đạc thì ông phát hiện diện tích thực tế thửa đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, bị thiếu 5,9 m^2. Tìm hiểu mọi nguyên nhân và hiện trạng thửa đất, ông biết được diện tích 5,9 m^2 (trong đó gồm 19,4 m chiều dài và 0,45 m chiều ngang) hiện đang bị lấn chiếm, sử dụng bởi gia đình chị Hà Thị Thu G (hàng xóm, người sử dụng đất liền kề phía đông thửa đất của ông).Hiện nay phần đất gia đình chị G lấn chiếm đang được sử dụng để xây dựng nhà ở trên diện tích đó. Ông đã nhiều lần nói chuyện yêu cầu chị G và anh H trả lại phần diện tích đất đang lấn chiếm đó cho ông, nhưng chị G và anh H không có bất kỳ ý kiến gì. UBND xã T đã tổ chức hoà giải hai lần nhưng không thành, do trong quá trình hòa giải UBND xã T mời chị G tới hòa giải, nhưng cả hai lần chị G đều vắng mặt. Do đó, nay ông khởi kiện đến Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương yêu cầu giải quyết những vấn đề sau: Buộc chị Hà Thị Thu G và anh Nguyễn Phúc H giao trả lại cho ông diện tích đất 4,22 m^2 theo hồ sơ thẩm định đo vẽ thực tế của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang(hiều dài 19,38 m chiều dài và 0,44 m chiều ngang), tiếp giáp với phía đông thửa đất số 288^a tờ bản đồ số 10, địa chỉ Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 499141 do UBND huyện N cấp ngày 30/12/2010; đồng thời buộc chị Hà Thị Thu G và anh Nguyễn Phúc H tháo dỡ toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Ông C cũng nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và đề nghị Tòa án giải quyết đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

*****Bị đơn anh Nguyễn Phúc H và chị Hà Thị Thu G quá trình tiến hành tố tụng đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến trình bầy yêu cầu của mình và thực hiện quyền gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi liên quan bà Bùi Thị T trình bày: Gia đình bà là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 288[a] tờ bản đồ số 10, diện tích 115m2, địa chỉ thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương), S vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 00047.Ngày 23/08/202. Năm 2021 vợ chồng bà có dự định xây dựng nhà ở tại diện tích đất trên. Khi đo vẽ lại thửa đất để làm dự liệu xây dựng thì phát hiện thửa đất bị thiếu 5,9m2 tại phần diện tích giáp liền kề với thửa đất gia đình anh Nguyễn Phúc H và chị Hà Thị Thu G. Bà cùng chồng có gặp gỡ trao đổi vụ việc trên với gia đình chị G, nhưng không có thiện chí giải quyết mà gia đình chị G có lời lẽ thách thức gia đình bà. UBND xã T đã tiến hành hòa giải nhưng không thành do chị G vắng mặt. Từ đó gia đình chị G không liên lạc, trao đổi hướng giải quyết sự việc. Nay bà thống nhất để chồng bà đứng đơn khởi kiện. Quan điểm cụ thể của bà; trong trường hợp không thể buộc gia đình chị G tháo dỡ tài sản để trả lại diện tích đất cho gia đình bà thì yêu cầu buộc chị G, anh H phải bồi thường giá trị đất bằng tiền theo quy định của pháp luật.

*Xác minh Tại UBND xã T về thửa đất của ông Hà năng N chuyển nhượng cho ông C và thửa đất của ông Hà Bách K đã tách cho chị G cụ thể như sau:

Theo hồ sơ 299 ông Hà Năng N được đăng ký tại thửa 96, tờ bản đồ 08, diện tích 609m2. Ông Hà Bách K chưa được đăng ký tại thời điểm này là thửa số 97, tờ bản đồ 08, diện tích ao là 3.569m2 của UBND xã.

Theo hồ sơ năm 1991: ông N sử dụng thửa 03, tờ bản đồ số 06, diện tích 606m2. Ông K sử dụng thửa 01 tờ bản đồ số 06, diện tích 418m2 và thửa số 02, tờ bản đồ số 06, diện tích 45m2 ao.

Theo hồ sơ năm 2000; Ông N sử dụng thửa 288, tờ bản đồ số 10, diện tích 653m2. Ông K sử dụng thửa 299, tờ số 10, diện tích 485m2.

Năm 2003 ông K được cấp giấy chứng nhận. Đến năm 2017 ông K chia tách đất cho con gái Hà Thị Thu G diện tích 115m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00484 ngày 17/8/2017. Năm 2006 ông N được cấp giấy chứng

nhận, đến năm 2010 ông N tách bán phần diện tích đất cho ông C giáp đất chị G là 146m2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00047 ngày 30/12/2010.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp; tiến hành xác minh tại địa phương, tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá tài sản để tiến hành định giá đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp theo quy định của pháp luật. Tại biên bản định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản – UBND huyện N đã kết luận phần diện tích đất thổ cư bị lấn chiếm có giá trị là 8.000.000đ/m^2.

Tại phiên tòa, ông Hà Năng C đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình anh H, chị G phải trả lại cho gia đình ông diện tích đã lấn sang là 4,22m^2 và Buộc bà Hà Thị Thu G và ông Nguyễn Phúc H tháo dỡ toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp nêu trên. Nếu bồi thường bằng tiền phải do hai bên thỏa thuận. Về phần diện tích đất lấn chiếm theo đo vẽ có chiều dài 4,95, chiều rộng 0,9cm diện tích là 1,3m2 giáp về phía Đông giáp với thửa đất bà Hà Thị D ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người được nguyên đơn ủy quyền tham gia phiên tòa ông Hà Bách V đề nghị tính giá trị đất thành tiền theo định giá của Hội đồng định giá trả cho ông C. Anh không đồng ý việc tháo dỡ công trình trả lại đất vì công trình xây dựng là nhà 03 tầng xây dựng kiên cố trên đất, tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu công trình.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 5, 12, 166; 170; 203 Luật đất đai2013; Điều 155, 175, 176 Bộ luật Dân sự; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 157, 163, 227, 228 và Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sựLuật phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị HĐXX

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Năng C, xác định phần diện tích đất gia đình bà G, ông H đã lấn chiếm sang phần đất của gia đình ông C, bà T2 là 4,22m^2, tuy nhiên, tại phần diện tích đất tranh chấp này, gia đình bà G, ông H đã xây dựng nhà 03 tầng và các công trình khép kín kiên cố không thể tháo dỡ được vì vậy buộc gia đình ông H, bà G phải hoàn trả cho gia đình ông C số tiền tương ứng với giá trị phần đất đã bị lấn chiếm, tương đương 33.760.000 đồng.

- Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị G anh H phải chịu án phí dân sự trên phần giá trị chênh lệch trả bằng tiền do không tháo dỡ công trình được là số tiền: 33.760.000 x 5% = 1.688.000 đồng.

Trả lại ông C bà T số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng đã nộp tại Chi cục THADS huyện N.

Chi phí tố tung: Chị G, anh H phải trả cho ông chình chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá số tiền 6.000.000đ. Hoàn Trả ông C số tiền 2.000.000đ tiền đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Năng C1 khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Phúc H và chị Phạm Thu G1 phải trả lại cho ông phần diện tích đất mà gia đình anh H1, chị G1 đã lấn sang là 4,22m^2, đây là quan hệ tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất liên quan đến mốc giới. Các đương sự và tài sản tranh chấp là bất động sản cùng có địa chỉ tại thôn L xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang theo khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Vũ Năng C2 khởi kiện yêu cầu gia đình anh Nguyễn Phúc H và chị Hà Thị Thu G phải trả cho gia đình ông diện tích đất lấn sang là 4,22m^2 tại thôn L, xã

T, huyện N tỉnh Hải Dương. Căn cứ để ông C2 khởi kiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 499141 đối với diện tích 146 m^2 tại thửa đất số 288^a tờ bản đồ số 10, địa chỉ Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương), số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 00047, ngày 23/08/2021 và hiện nay diện tích đất thực tế của gia đình ông C2 bị gia đình chị G hộ liền kề xây lấn sang 4,22m2.

2.1. Khi phát hiện sự việc, ông C2 đã đề nghị UBND xã T tiến hành xác minh làm rõ sự việc. Ngày 23/08/2021, kết quả đo đạc của Công ty cổ phần Đ đã xác định có sự xây lấn về vị trí giữa các thửa đất, cụ thể thửa đất của gia đình anh H, chị G lấn sang thửa đất của gia đình ông là 5,8m2(Theo kết quả đo vẽ mới nhất của Công ty cổ phần T3 diện tích bị lấn sang là 4,22m2) . Nguyên nhân theo ông C2 do anh H, chị G xây nhà nhưng không có mặt tại địa phương, giao khoán thẳng cho thợ lấy hướng nhà, khi làm không xác định mốc giới nên đã xây lấn chiếm sang phần đất nhà ông.

2.2. Tiến hành so sánh vị trí, kích thước, diện tích của các thửa đất trên thực tế so với vị trí thửa đất trên bản đồ hiện trạng và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông C2 và kết quả đo vẽ được kết quả như sau: thửa đất số 288^a tờ bản đồ số 10, có diện tích là 146m2; có các cạnh là: Phía đông có chiều dài 24,3m2, phía tây có chiều dài 26,2m2, phía bắc có chiều dài 6m, phía nam có chiều dài 6m; tuy nhiên về phía Đông giáp nhà Anh H, chị G thì có cạnh chiều dài là 19,38, chiều ngang là 0,43 (4,22m2) không phải là một đường thẳng theo giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho chị G, có chữ ký giáp ranh của của ông C2, mà là hình tam giác và xây đè lên móng cũ của nhà ông N có từ trước, khi chuyển nhượng đất cho ông C2 móng đó vẫn còn nguyên trên phần đất của ông C2 ; diện tích đất trên được xác định của ông C2 đang bị gia đình anh P, chị G xây dựng nhà lấn sang. Đối với diện tích về phía Đông có các cạnh chiều dài 4,95m; chiều ngang là 0,43cm giáp với bà D bị gia đình bà D lấn sang, diện tích là 1,3m2 giáp nhà bà D, ông C2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Quá trình giải quyết vụ án; Tòa án đã báo gọi chị G, anh H nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cung cấp các chứng cứ có liên quan, không có ý kiến phản hồi gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích nêu trên thấy rằng; có đủ căn cứ xác định phần diện tích đất của gia đình ông C2 bị thiếu về phía Đông giáp với nhà chị G có chiều dài là 19,38 chiều rộng là 0,43cm điện tích là 4,22m^2 nằm trong phần diện tích đất gia đình chị G, anh H đang sử dụng với nguyên nhân là do có sự xây dựng lấn chiếm sang thửa đất của gia đình

ông C2. Hiện nay, trên phần diện tích 4,22m^2 anh H, chị G đã sử dụng đã xây dựng nhà kiên cố, diện tích đất còn lại của gia đình ông C2 vẫn đảm bảo xây dựng công trình, nhà ở. Ông C2 yêu cầu gia đình chị G, anh H tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm là không phù hợp bởi; diện tích kiện đất kiện đòi chỉ có 4,22m2, nếu tháo dỡ công trình nhà xây kiên cố 03 tầng gây ảnh hưởng tới kiến trúc, nhu cầu sử dụng sau này, mặt khác bà T là vợ ông C2 và ông C2 cũng đề nghị nếu không thể buộc chị G, anh H tháo dỡ tài sản để trả lại diện tích đất cho gia đình thì yêu cầu buộc chị G, anh H phải bồi thường bằng tiền diện tích đất nêu trên theo quy định. Vì vậy, cần trị giá diện tích đất để thanh toán bằng tiền cho nhau là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

2.4. Với nhận định trên HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Năng C, trị giá diện tích đất trên theo như kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản – UBND huyện N đã kết luận là 8.000.000đ/m2 x 4,22m2= 33.760.000đ, buộc gia đình chị G, anh H phải trả cho gia đình ông C, bà T số tiền 33.760.000đ và giao cho gia đình chị G tiếp tục sử dụng diện tích đất 4,22m^2 là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 6.000.000đ, ông C đã tạm ứng số tiền 8.000.000đ, cần trả lại ông C 2.000.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận nên chị G, anh H phải là người chịu số tiền chi phí tố tụng nêu trên.

[4] Về các vấn đề khác: Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định có sự lấn chiếm về mốc giới với gia đình bà Hà Thị D, tuy nhiên ông C không yêu cầu về việc trên nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có liên quan có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Hà Năng C được Tòa án chấp nhận một phần nên anh H, Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 170, 203 Luật đất đai; Điều 175, 176 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 158, 165, 166, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Năng C. Không chấp nhận việc ông Hà Năng C yêu cầu anh Nguyễn Phúc H và chị Hà Thị Thu G tháo dỡ công trình xây dựng trên diện tích đất 4,22m2.

- Buộc anh Nguyễn Phúc H và chị Hà Thị Thu G phải trả lại cho ông Hà Năng C và bà Bùi Thị T bằng tiền tương đương giá trị quyền sử dụng diện tích đất là 4,22m2 tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương có trị giá là **33.760.000đ** (*Ba ba triệu bẩy trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Anh Nguyễn Phúc H và chị Hà Thị Thu G được quyền sử dụng diện tích đất 4,22m^2 tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (có hình dạng, kích thước theo như sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Ông Hà Năng C, bà Bùi Thị T có trách nhiệm cùng với chị Hà Thị Thu G, anh Nguyễn Phúc H liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục điều chỉnh (cấp đổi, cấp lại) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các bên theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Chị Hà Thị Thu G và anh Nguyễn Phúc H phải trả cho ông Hà Năng C chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản số tiền là 6.000.000đ.(Hoàn trả ông C 2.000.000đ).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thi Thu G2 và anh Nguyễn Phúc H phải chịu 1.688.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Hà Năng C số tiền 1.250.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0000210 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Hải